TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-02-2021
V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Chung Quốc Hội**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đấu**

2. Ông **Trịnh Phước Đức**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Toàn -** Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Ông **Nguyễn Văn Trung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Lê Quang Hu**, sinh năm 1987 (Vắng mặt lần hai).

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Quang Hu kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện D ngày 16/11/2007 (nay là phường C, thành phố D).

Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/12/2005 và Lê Nguyễn Hùng H2, sinh ngày 01/6/2014, hiện do bà H nuôi dưỡng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Hu không chăm lo gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên đi nhậu, khi nhậu say về mắng chửi bà vô cớ, trước đây bà có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, ông Hu hứa thay đổi nên bà đã rút lại đơn khởi kiện để cho ông Hu cơ hội vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng ông Hu vẫn không sửa đổi tính tình, thấy tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang Hu.

Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/12/2005 và Lê Nguyễn Hùng H2, sinh ngày 01/6/2014 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông Hu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 22/7/2020, Tòa án thụ lý vụ án nhưng đến ngày 29/12/2020 mới có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, đề nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông Hu.

Về con chung: Giao cho bà H nuôi dưỡng 02 người con tên Lê Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/12/2005 và Lê Nguyễn Hùng H2, sinh ngày 01/6/2014 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông Hu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Lê Quang Hùng như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, do ông Hu thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không ai nhận văn bản thay cho ông Hu nên Tòa án đã niêm yết các thủ tục trên theo quy định pháp luật và đến tại phiên tòa hôm nay, ông Hu vắng mặt không có lý do. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 17/11/2020 được Ban nhân dân khu phố B, thị trấn C xác nhận ông Lê Quang Hu vẫn sinh sống tại nơi cư trú tại tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, Kiên Giang.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Lê Quang Hu.

Ông Lê Quang Hu không có yêu cầu phản tố trong vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến gì.

[2] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Việc Thẩm phán đã vi phạm thời hạn xét xử, Thẩm phán sẽ rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án sau này.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Hu tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện D (nay là phường C, thành phố D) ngày 16/11/2007 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H: Theo lời trình bày của bà H thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông Hu không chăm lo gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên đi nhậu, khi nhậu say về mắng chửi bà vô cớ, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Theo biên xác minh ngày 17/11/2020 của Tòa án về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì được ban nhân dân khu phố B, phường C xác nhận vợ chồng bà H với ông Hu thường xuyên cự cãi lẫn nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Tòa án nhiều lần triệu tập ông Hu lấy lời khai, hòa giải nhưng ông Hu cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên Tòa án không thể xem xét yêu cầu, nguyện vọng của ông Hu.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà H và ông Hu là trầm trọng, không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Quang Hu.

[4] Về con chung: Bà H xác nhận hiện nay bà đang nuôi dưỡng 02 người con chung và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Hu cấp dưỡng nuôi con, vì bà H cho rằng đủ điều kiện nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Tại bản tự khai ngày 30/7/2020, cháu H1 có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ nên cần xem xét ý kiến, nguyện vọng của cháu. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của bà H, giao cho bà H nuôi dưỡng 02 người con tên Lê Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/12/2005 và Lê Nguyễn Hùng H2, sinh ngày 01/6/2014 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông Hug cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H xác nhận vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; 35; 147; 266, 271; 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Quang Hu.

2. Về con chung: Giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con tên Lê Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 04/12/2005 và Lê Nguyễn Hùng H2, sinh ngày 01/6/2014 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông Hu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng. Bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002889 ngày 21/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, khấu trừ vào tiền án phí, bà H đã nộp xong, không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Quốc Hội